TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1384/2025/DS-ST
Ngày: 30/9/2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Cảnh Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Giàu
2. Bà Đặng Thị Thu Oanh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng – Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1049/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1441/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2688/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S
Địa chỉ: 2 N, phường V (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền:
Ông Trần Văn B (có mặt)
(Văn bản ủy quyền số 981/2025/UQ-TT.XLN ngày 18/3/2025)

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1991 (vắng mặt)
Địa chỉ: Căn hộ S - K, chung cư C - 63 đường A, phường P (N là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S1, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn cư trú tại phường L, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án,Tòa án nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đối với ông Nguyễn Thành V nhưng ông V vẫn vắng mặt không có lý do; đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm a điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Ngày 27/4/2021, ông Trần Thành V1 và Ngân hàng TMCP S có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiên hợp đồng. Theo hợp đồng thì hạn mức sử dụng thẻ là 44.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu xài cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, ông V1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 313.140.383 đồng, ông V1 đã thanh toán được 282.712.455 đồng. Ông V1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ nhưng ông V1 vẫn không trả. Ngày 11/7/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ trên của ông V1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 30/9/2025, ông V1 còn nợ là 79.223.084 đồng, trong đó: Nợ gốc là 50.106.398 đồng; Nợ lãi quá hạn là 29.116.686 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Thành V trả số nợ tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 79.223.084 đồng, trong đó: Nợ gốc là 50.106.398 đồng; Nợ lãi quá hạn là 29.116.686 đồng; yêu cầu ông V tiếp tục trả lãi kể từ ngày 01/10/2025 đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng; các tình tiết trên, Tòa án đã thông báo đến cho ông V nhưng ông V vẫn không có ý kiến phản hồi nên Tòa án căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định các tình tiết trên là sự thật.

Xét, Ngân hàng TMCP S yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Thành V trả số nợ tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 79.223.084 đồng, trong đó: Nợ gốc là 50.106.398 đồng; Nợ lãi quá hạn là 29.116.686 đồng; yêu cầu ông V tiếp tục trả lãi kể từ ngày 01/10/2025 đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thành V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 79.223.084 đồng x 5% = 3.961.154 đồng (Ba triệu chín trăm sáu mươi mốt ngàn một trăm năm mươi bốn đồng).

- Ngân hàng S không phải chịu án phí, hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Bởi các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228; Điều 271 và Điều 273; Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;
- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

- Buộc ông Nguyễn Thành V trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tính đến ngày 30/9/2025 là 79.223.084 đồng (Bảy mươi chín triệu hai trăm hai mươi ba ngàn không trăm tám mươi bốn đồng), trong đó: Nợ gốc là 50.106.398 đồng (Năm mươi triệu một trăm lẻ sáu ngàn ba trăm chín mươi tám đồng); Nợ lãi quá hạn là 29.116.686 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm mười sáu ngàn sáu trăm tám mươi sáu đồng).

- Ông Nguyễn Thành V còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất ghi trong hợp đồng.

Thi hành án tại Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thành V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.961.154 đồng (Ba triệu chín trăm sáu mươi mốt ngàn một trăm năm mươi bốn đồng).

- Hoàn tiền tạm ứng án phí 1.628.832 đồng (Một triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn tám trăm ba mươi hai đồng) cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S theo biên lai thu tiền số 0072879 ngày 24/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức (Nay là Phòng Thi hành án khu vực 2), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Trường hợp vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tống đạt được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM
- VKSND KV2;
- VKSND TPHCM;
- Phòng THADSKV2;
- Đương sõi;
- Lưu: VP, hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chung Cảnh L